

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2019/HNGĐ- ST

Ngày: 18/7/2019

V/v: *Chị Trần Thị N xin ly hôn anh
Nguyễn Duy K.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NSK

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, ông Viêm Văn Doãn.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu.

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Lê -
kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc, mở
phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 93/2019/TLST - HNGĐ,
ngày 19 tháng 2 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 ngày 19 tháng
6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1982.

Trú tại: Số nhà 622, đường N, phố Mới, phường N, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc
Ninh. (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1980.

Trú tại: Số nhà 622, đường N, phố Mới, phường N, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc
Ninh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, chị N trình bày:

Chị và anh K kết ngày 10/11/2006, có đăng ký tại UBND xã Hòa Long, TP
Bắc Ninh, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi lấy nhau chị làm thợ may,
anh K làm nhà nước, nhưng vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do
anh K mãi chơi, suốt ngày đi ăn uống, nhậu nhẹt, đến năm 2009 sau khi chị sinh
cháu thứ hai, mâu thuẫn nhiều hơn vì chị sinh con sát nhau, lại không thuê người
giúp việc, vợ chồng ở riêng, anh K vẫn đi sớm về muộn, không quan tâm đến vợ
con, gia đình anh K có góp ý cũng chỉ quan loa, công việc của chị thì rất bận. Trong
kinh tế anh K không đóng góp được mấy trong khi đó chị phải chăm lo cho cả gia
đình, nhiều lúc chị muốn anh K cũng phải có chút trách nhiệm hơn với gia đình nh-

ung anh K lại cho rằng không có lương, cơ quan chỉ tạm ứng một phần, cuối năm cơ quan mới thanh toán, nhưng đến cuối năm thì anh K lại bảo bị trừ nợ, trừ kia. Từ việc này nên vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên, do mâu thuẫn và không thể tiếp tục chịu cảnh tượng đó nên tháng 8/2018 âm lịch chị dọn về nhà mẹ đẻ tại Ninh Xá cho đến nay, vợ chồng không có quan hệ gì. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nên xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng sinh được hai con chung là Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 06/2/2008 và Nguyễn Duy Đăng sinh ngày 11/10/2009, hiện nay cháu Linh đang ở với chị, cháu Đăng đang ở với anh Kiện, hàng ngày các cháu đi học về có vào nhà ông bà nội ăn cơm, tối cháu Linh về ở với chị, hiện tại các cháu có sự đi lại giữa hai gia đình, vợ chồng không ai ngăn cản các cháu. Ly hôn chị xin được nuôi cháu Linh, anh K nuôi cháu Đăng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Hiện tại vợ chồng chị có 01 ngôi nhà 3 tầng và đất tại khu tập thể trường sĩ quan chính trị quân sự Bắc Ninh, nhà đất mua năm 2009, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại chỉ có giấy mua bán viết tay với nhau, ngoài ra có một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, nay anh K đang quản lý và sử dụng hết, ly hôn chị vẫn cứ để anh K quản lý và sử dụng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Phía anh K trình bày: Anh Thừa nhận về điều kiện kết hôn như chị N trình bày như trên là đúng, chị N xin ly hôn anh không đồng ý bởi lẽ giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, các con còn nhỏ, anh muốn vợ chồng vẫn phải tiếp tục có trách nhiệm với các cháu, không để cho các cháu bên có bố, bên có mẹ. Anh xác nhận trong cuộc sống trước đây chưa có trách nhiệm, chu đáo với vợ con nhưng không thường xuyên như chị N trình bày, vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do cách sinh hoạt của hai vợ chồng chưa đồng nhất, như anh thường xuyên phải đi làm sớm xuống huyện, tối thì về muộn vì đường xa, trong khi đó chị N lại ở bên bà ngoại, hết giờ không về nhà, các ngày nghỉ, ngày lễ không bao giờ nghỉ, do vậy cơm nước, sinh hoạt cho gia đình chị N không mấy khi để ý. Việc này anh và hai gia đình cũng góp ý rất nhiều nhưng không được. Về kinh tế chị N làm ăn được bao nhiêu anh không biết, còn anh hàng tháng tuy lương thấp nhưng vẫn đóng học cho một cháu, lo điện nước. Tháng 8/2018 âm lịch chị N có xin phép gia đình anh về bên bà ngoại ở và cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhiều và ở đó cho đến nay, anh ở nhà riêng của vợ chồng tại tập thể trường Chính Trị, thời gian ly thân anh vẫn có mối liên hệ tốt với cả hai gia đình, riêng với chị N anh vẫn gọi điện, nhắn tin hỏi thăm và quan tâm, lúc đầu chị N còn chặn điện thoại, mọi người góp ý thì chị N bỏ chặn nhưng vợ chồng cũng ít nói chuyện vì chị N không chủ động nói với anh, gia đình hai bên gọi về để khuyên giải nhưng chị N cũng không ngồi cùng, gần đây anh đã được chuyển về làm việc gần nhà nên đã có thời gian chăm sóc các con nhiều hơn, trong thời gian tới anh

vẫn quan tâm đến chị N, giúp chị N trong làm ăn kinh doanh, cố gắng tìm mọi cách để vợ chồng được vui vẻ lại, đó là định hướng của anh.

Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung: Nguyễn Ngọc Linh, sinh 6/2/2008 và Nguyễn Duy Đăng sinh ngày 11/10/2009, hiện nay cả hai cháu đều đi lại cả hai bên, nếu có phải ly hôn anh để các cháu quyết định vấn đề này, các cháu ở với ai anh cũng đồng ý và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà 3 tầng tại khu tập thể trường Chính Trị Bắc Ninh, nhà đất hiện nay chưa có giấy tờ hợp pháp mà chỉ là giấy viết tay. Hiện tại anh đang ở đó, ngoài ra có một số đồ dung sinh hoạt trong gia đình. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng có nợ một số người và cho một số người vay, do anh chưa có yêu cầu gì về tài sản nên công nợ anh cũng không yêu cầu và không cung cấp họ tên, tuổi địa chỉ của những người cho vay và người nợ. Sau này có phát sinh tranh chấp gì anh sẽ yêu cầu sau vì tài sản vẫn còn đó.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Phản tranh luận: Chị N đề nghị xin được ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm, sống với nhau có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay không có quan hệ gì.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung gồm Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 06/2/2008 và Nguyễn Duy Đăng sinh ngày 11/10/2009, hiện nay cháu Linh đang ở với chị, cháu Đăng đang ở với anh Kiện, Ly hôn chị xin được nuôi cháu Linh, anh K nuôi cháu Đăng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía anh K trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh muốn các con phải có bố mẹ, các khuyết điểm trên anh sẽ cố gắng khắc phục vì hiện nay anh đã làm gần nhà, phục vụ tốt hơn.

Về con chung: Như chị N trình bày như trên là đúng nếu có phải ly hôn anh để các cháu tự quyết định, anh nuôi cháu nào cũng được và không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Xứ chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Duy K vì mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Giao cháu Linh cho chị N nuôi dưỡng, giao cháu Đăng cho anh K nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị N anh K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu cở tài liệu cú trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

“1” Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2006 tại UBND xã Hòa Long, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện. Vậy chị N và anh K đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện về hôn nhân do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy: Sau khi kết hôn chị N và anh K ra ở riêng, chị N làm thợ may, anh K làm cán bộ nhà nước, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2018 bắt đầu mâu thuẫn, qua lời trình bày của các đương sự, cũng như lời trình bày của thân nhân phía chị N và anh K thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K hay uống rượu buổi chiều nên hay về muộn, trong khi đó chị N làm thợ may nhiều việc, các con còn nhỏ lại sinh giáp nhau, không có người chăm sóc nên anh chị thường xuyên mâu thuẫn, gia đình hai bên đã góp ý nhiều và hòa giải nhưng anh K không rút kinh nghiệm được mấy, trong kinh tế anh K chưa thật sự cùng chị N gánh vác kinh tế gia đình, vậy từ việc này anh chị hay cãi nhau, chị N không chấp nhận anh K nữa nên đã chủ động về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 8/2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi. Phía chị N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, không thể đoàn tụ, do vậy xin được ly hôn với anh K.

Phía anh K không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, các con còn nhỏ nên, anh K cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cách sống, anh cũng chưa quan tâm được nhiều đến vợ con trong tình cảm cũng như về kinh tế trong thời gian qua, nhưng nay anh cũng đã về công tác gần nhà và chỉnh sửa bản thân nhiều nhưng không đưa ra được các biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, được chị N chấp nhận. Với các căn cứ như trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh K đã sâu sắc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vậy chị N xin ly hôn là có căn cứ, anh K không đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Vậy cần xử chị N được ly hôn với anh K.

“2” Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị N, anh K sinh được 2 con chung gồm: Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 06/2/2008 và Nguyễn Duy Đăng sinh ngày 11/10/2009, hiện nay cháu Linh đang ở với chị N, cháu Đăng đang ở với anh K, các

cháu hàng ngày vẫn đi lại cả hai bên gia đình và đều có nguyện vọng như hiện tại các cháu đang sinh sống và chị N anh K yêu cầu. Để đảm bảo theo nguyện vọng của các cháu và tiếp tục duy trì cuộc sống ổn định, cần giao cháu Đăng cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu Linh cho chị N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

“3”. Về tài sản chung, công nợ: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị N anh K không yêu cầu giải quyết, anh K cho rằng sau này phát sinh tranh chấp anh sẽ yêu cầu sau, nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

“4” Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo qui định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 58, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 250, 251, 254, 260, 261,262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị N.

Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 06/2/2008 cho chị Trần Thị N nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Duy Đăng sinh ngày 11/10/2009 cho anh Nguyễn Duy K nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ: Chị N anh K không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001637 ngày 18/2/2019 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự.
- UBND xã Hòa Long
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

NSK

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Hiến Viêm Văn Doãn